



GIẢI CƠN KHÁT VỐN FDI CHO NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ThS. Phạm Thị Bích Ngọc

Việt Nam vốn là một nước thuần nông với hơn 70% dân số sống ở khu vực nông thôn và 50% dân số sống bằng nghề nông nên kinh tế nông nghiệp được coi là một trong 3 trụ cột chính của nền kinh tế cả nước. Đây cũng là lĩnh vực được ưu tiên đặc biệt trong khuyến khích thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI), tuy nhiên, trong khi tốc độ FDI của cả nước tăng trưởng đều suốt hơn 20 năm qua thì nguồn vốn FDI chảy vào khu vực nông nghiệp lại thấp và đang có xu hướng giảm trong những năm gần đây.

Thu hút FDI chưa tương xứng với tiềm năng

Cũng như nhiều nước trên thế giới, nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng tiêu cực từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, ngành nông nghiệp vẫn luôn thể hiện vai trò nền tảng của nền kinh tế cả nước với mức đóng góp không nhỏ trong GDP hàng năm. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, giai đoạn 2005-2013, mỗi năm lĩnh vực này đóng góp từ 18-20% trong GDP cả nước và đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia hàng đầu về xuất khẩu gạo, cà phê, cao su,... Có được những thành quả trên một phần là nhờ sự đóng góp của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong việc đầu

tư vốn, công nghệ và mở rộng thị trường tiêu thụ... Song trái ngược với xu hướng dòng chảy FDI vào Việt Nam ngày một tăng thì ngành nông nghiệp lại đang khát vốn FDI.

Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2001, vốn FDI vào nông nghiệp chiếm 8% tổng vốn FDI vào Việt Nam thì 10 năm sau (năm 2011), con số này chỉ còn 1%. Kể tiếp đến là năm 2012, tính chung cả vốn đăng ký mới và tăng thêm, cả nước thu hút được 13,013 tỷ USD vốn FDI, trong đó chỉ có gần 90 triệu USD được "rót" vào nông nghiệp, tức là chỉ chiếm hơn 0,6% tổng vốn FDI vào Việt Nam. Tính lũy kế từ năm 1987 đến hết năm 2012, Việt Nam đã thu hút được 213,651

tỷ USD vốn FDI đăng ký, trong đó vốn FDI đăng ký đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp là 3,357 tỷ USD, chiếm khoảng 1,5% tổng vốn FDI vào Việt Nam. Trong năm 2013, mặc dù tổng vốn đăng ký mới và tăng thêm đạt 21,628 tỷ USD, tăng 54,5% so cùng kỳ năm 2012, song lượng FDI dành cho nông nghiệp tiếp tục giảm, chỉ chiếm 0,4% tổng vốn FDI.

Tính riêng 4 tháng đầu năm 2014, cả nước có 390 dự án FDI được cấp phép mới với tổng vốn đăng ký khoảng 3,228 tỷ USD. Tuy nhiên chỉ có 3 dự án với số vốn đăng ký khá khiêm tốn, chưa đầy 5,2 triệu USD đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản. Nếu tính thêm 2 dự án FDI đang hoạt động xin tăng thêm vốn, thì tổng vốn FDI vào lĩnh vực này



trong 4 tháng đầu năm chỉ đạt 11,88 triệu USD chiếm chưa đến 0,3% tổng vốn FDI. Lũy kế từ năm 1987 đến hết tháng 4/2014, cả nước có 16.300 dự án FDI được cấp phép với tổng vốn 237 tỷ USD, song lĩnh vực nông nghiệp chỉ có được trên 500 dự án, với khoảng 3,3 tỷ USD, hầu như không tăng so cuối năm 2012. Điều đó cho thấy lĩnh vực nông nghiệp rất thiếu sức hút dù có đủ tiềm năng cơ bản về đất đai, mặt nước, tài nguyên rừng và lực lượng lao động.

Các dự án nông nghiệp sử dụng vốn FDI không những có tỷ lệ thấp về tổng số vốn đầu tư mà còn nhỏ về quy mô. Theo tính toán của các chuyên gia, nếu như quy mô vốn đầu tư bình quân một dự án FDI vào khoảng 14,7 triệu USD thì một dự án FDI nông nghiệp chiếm chưa tới 6,6 triệu USD, thấp xa so với quy mô bình quân một dự án kinh doanh bất động sản (130 triệu USD) hoặc dự án trong lĩnh vực điện, khí (92,6 triệu USD) hay dự án trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng (17,6 triệu USD)...

Bên cạnh đó, việc phân bổ vốn FDI trong nông nghiệp không đồng đều giữa các lĩnh vực. Phần lớn các dự án FDI tập trung vào một số ngành có khả năng thu hồi vốn nhanh như chăn nuôi, chế biến thức ăn chăn nuôi, trồng rừng, chế biến gỗ và lâm sản trong khi các ngành chế biến nông sản, thủy sản rất ít. Hơn nữa, nhiều nhà đầu tư đang chuyển hướng sang xuất, nhập khẩu và phân phối sản phẩm nông nghiệp mà không đầu tư vào hoạt động sản xuất như trước. Đây là hướng đi thiếu bền vững trong thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp và lành mạnh hóa thị trường kinh doanh nông sản.

Mặt khác, cơ cấu dự án và nguồn vốn FDI được phân bổ mất cân đối giữa các địa phương và các vùng, miền trong cả nước. Các dự án FDI vào nông nghiệp chủ yếu tập trung ở vùng Đồng bằng sông

Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và những địa phương có lợi thế về kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực, vùng nguyên liệu và điều kiện về thổ nhưỡng, khí hậu thuận lợi, còn các tỉnh vùng sâu, vùng xa hầu như chưa thu hút được dự án nào.

Thêm vào đó, chất lượng của các dự án FDI vào nông nghiệp chưa cao. Các nhà đầu tư chủ yếu đến từ các nước Châu Á, và phần lớn là từ các nước có nền công nghệ chưa thực sự phát triển cao như Thái Lan, Đài Loan, Indonesia, Malaysia (khoảng 70% vốn FDI)... trong khi các nước có nền nông nghiệp tiên tiến như Mỹ, Úc, Pháp, Canada, Nhật Bản hay các nước EU lại ít đầu tư vào nông nghiệp Việt Nam.

Đi tìm nguyên nhân?

Theo các chuyên gia, tình trạng trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó, có nguyên nhân liên quan đến các chủ trương, kế hoạch cho công tác xúc tiến thu hút vốn FDI vào nông nghiệp vừa thiếu vừa yếu, không ít chính sách phát triển nông nghiệp còn bất cập, đặc biệt là thiếu một chiến lược phát triển tổng thể mang tính liên ngành, liên vùng trong khi đây lại là căn cứ quan trọng để xúc tiến đầu tư. Thêm vào đó là tình trạng tùy tiện thay đổi quy hoạch, chính sách ở nhiều địa phương làm cho nhà đầu tư không mặn mà với lĩnh vực này.

Cơ sở hạ tầng nông thôn yếu kém, chất lượng lao động thấp cũng là những trở ngại không nhỏ ngăn cản các nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận với nông nghiệp Việt Nam. Tại nhiều vùng quê xảy ra hiện tượng khan hiếm lực lượng lao động trẻ và có chất lượng do lực lượng lao động trong độ tuổi lao động đổ ra thành phố kiếm việc làm ngày một nhiều.

Thêm một lý do khiến không ít nhà đầu tư còn đầu tư dè dặt là do đây là lĩnh vực khá nhạy cảm, có sự rủi ro lớn trong sản xuất bởi quy mô hoạt động sản xuất nông nghiệp Việt Nam còn manh mún,

nhỏ lẻ, dàn trải, thiếu tập trung, chưa có phương thức phù hợp với tính chất, trình độ của nông dân, tính liên kết bền vững trong sản xuất còn yếu nên lợi nhuận thu được tương đối thấp, trong khi thời gian thu hồi vốn chậm và kéo dài. Hơn nữa, đây lại là ngành chịu nhiều ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai và dịch bệnh, còn hệ thống bảo hiểm nông nghiệp thì hầu như chưa hoạt động.

Bên cạnh đó, quan điểm thu hút FDI vào nông nghiệp gần như bị nhiều địa phương bỏ quên, phần lớn còn say sưa với mục tiêu phát triển công nghiệp và đô thị, mà chưa quan tâm đúng mức tới bảo vệ môi trường khiến cho quỹ đất nông nghiệp bị thu hẹp, nguồn nước bị ô nhiễm, làm giảm tính hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp. Thực tế là các nhà đầu tư nước ngoài đang ngày càng khó tìm được diện tích đất "sạch", quy mô lớn để phát triển nông nghiệp tại Việt Nam.

Gỡ nút thắt cho bài toán thu hút đầu tư

Để vực dậy vốn FDI trong nông nghiệp, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hiện cũng đang quyết tâm tái cơ cấu ngành theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Đồng thời Đề án tăng cường thu hút và quản lý FDI vào lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030 cũng đang được xây dựng. Tuy nhiên, bài toán thu hút đầu tư FDI vào nông nghiệp lại không dễ dàng nên cần tập trung vào một số giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, cần xây dựng một chiến lược thu hút đầu tư FDI dài hạn một cách bài bản, đồng thời tạo ra một môi trường đầu tư thuận lợi nhằm mời gọi các nhà đầu tư cho khu vực nông nghiệp nông thôn. Cơ chế chính sách rõ ràng, minh bạch, nhất quán, ổn định lâu dài và đồng hành, hỗ trợ các nhà đầu tư.

(Xem tiếp trang 41)

Cho đến nay, chưa ban hành được nhiều cơ chế chính sách ưu đãi khuyến khích riêng thực sự đủ mạnh để thúc đẩy phát triển thương mại vùng khó khăn và hải đảo. Một số cơ chế, chính sách cũng như giải pháp có liên quan trong thời gian vừa qua chỉ đóng góp phần nào chứ chưa đủ để tạo sự liên kết giữa thị trường vùng khó khăn và hải đảo với thị trường trong nước và thị trường quốc tế, kinh phí chủ yếu tập trung vào các đề án tổ chức chợ phiên tại miền núi, biên giới và hải đảo.

Nhằm thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa các vùng miền; đóng góp tích cực vào tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao thu nhập của người dân, đảm bảo an ninh quốc phòng ở miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo, Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 - 2020 đang hướng đến mục tiêu: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ ở địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo đạt tốc độ tăng trung

bình hàng năm khoảng 6%- 8%. Đến năm 2020, có 60%-80% các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo có chợ đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới; hoàn thành việc cải tạo, nâng cấp và xây mới các chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu; 100% sản phẩm hàng hóa là đặc sản, lợi thế của miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo có mặt tại các chợ, trung tâm thương mại trong cả nước và xuất khẩu...

Để đạt mục tiêu này, những vấn đề cấp thiết cần tập trung giải quyết trong thời gian tới là:

Xây dựng mô hình phát triển thương mại theo cấu trúc thương mại trên địa bàn xã, thị trấn, thị tứ và các loại hình tổ chức thương mại đặc thù của từng địa bàn.

Tổ chức mạng lưới kinh doanh theo ngành hàng nông sản, vật tư nông nghiệp, công nghiệp tiêu dùng phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

Phát triển chợ đầu mối nông sản tại các vùng sản xuất tập trung, chợ

dân sinh trên địa bàn xã và trung tâm huyện, chú trọng nâng cấp, cải tạo và xây mới chợ biên giới có quy mô hạng III, chợ cửa khẩu, chợ nằm trong khu kinh tế cửa khẩu có quy mô hạng II và hạng I.

Chú trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ mang đậm nét văn hóa các dân tộc để phục vụ khách du lịch và xuất khẩu, giải quyết việc làm cho nhân dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo.

Phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thương mại; khuyến khích phát triển các loại hình thương mại tư nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Hoàn thiện khung pháp lý về phát triển thương mại với những cơ chế chính sách đặc thù phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

Phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo gắn liền với bảo vệ an ninh quốc phòng biên giới quốc gia./.

GIẢI CƠN KHÁT VỐN...

(Tiếp theo trang 33)

Cùng với đó, cần phải xây dựng một cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương để lựa chọn, đề xuất các lĩnh vực, địa bàn ưu tiên đầu tư ngay từ khâu mời gọi và xúc tiến đầu tư. Tập trung xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt cho những khu vực khó khăn như Tây Bắc, Tây Nguyên và vùng núi miền Trung nhằm điều tiết được các nguồn vốn FDI vào các địa bàn, lĩnh vực mong muốn.

Thứ hai, cần đơn giản hóa thủ tục và đưa ra những chính sách ưu đãi, hỗ trợ, điều tiết thích hợp nhằm khuyến khích đầu tư FDI vào nông nghiệp như chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu, tiền thuê đất;

đồng thời mở rộng chính sách bảo hiểm nông nghiệp.

Thứ ba, từng địa phương cần sớm hoàn chỉnh quy hoạch và nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lực lượng lao động trong khu vực nông nghiệp, trong đó quan tâm đến việc đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp FDI.

Thứ tư, các cơ quan quản lý và các địa phương cần sớm có quy hoạch vùng nguyên liệu, quy hoạch đối tượng trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề truyền thống... một cách có hệ thống và được công khai, minh bạch để làm cơ sở cho các nhà đầu tư lựa chọn thực hiện đầu tư được dễ dàng.

Thứ năm, kêu gọi thu hút FDI vào nông nghiệp theo hướng tập trung

vào ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm để phát triển ngành nông nghiệp một cách bền vững.

Thứ sáu, cần tăng cường công tác truyền thông để các nhà đầu tư nước ngoài nắm bắt đầy đủ các thông tin và những định hướng về chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với hoạt động đầu tư tại khu vực nông nghiệp, nông thôn. Điều này sẽ góp phần khẳng định chính sách nhất quán của Nhà nước trong việc đảm bảo tính pháp lý về quyền lợi của các doanh nghiệp, các nhà đầu tư nước ngoài trong khu vực này.

Hy vọng rằng với những giải pháp chủ yếu trên, dòng chảy FDI vào nông nghiệp được sớm được khơi thông và ngành nông nghiệp Việt Nam phát triển xứng với vai trò bệ đỡ của nền kinh tế trong những năm tiếp theo ./.